TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 153/2019/HNGĐ-ST
Ngày 22-11-2019
V/v "Tranh chấp ly hôn và nuôi con ".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Kim Thành
2. Bà Trần Thị Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện GD, tỉnh TN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GD tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện GD, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 719/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2019 về "Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn và nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị Kiều D, sinh năm: 1998, (vắng mặt),

Địa chỉ: 1/63 BC, khu phố nội ô A, thị trấn GD, huyện GD, tỉnh TN;

- *Bị đơn*: Anh Phan Thành P, sinh năm: 1995, (vắng mặt),

Địa chỉ: Ấp BV, xã PT, huyện GD, tỉnh TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15-10-2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Đặng Thị Kiều D trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Phan Thành P tự nguyện tổ chức đám cưới với nhau vào năm 2018, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện GD, tỉnh TN. Ngày cưới bên chồng có cho 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24k, 01 sợi dây chuyền 02 chỉ vàng 24k và cặp nhẫn cưới vàng 18k. nhưng chị đã bán sợi dây chi phí hết cho con, hiện chị giữ 01 đôi bông tai và 01 chiếc nhẫn, còn anh P giữ 01 chiếc nhẫn. Cưới xong vợ chồng sống chung nhà cha mẹ chồng, đến ngày 11-6-2019 vợ chồng sống chung nhà cha mẹ chị. Đến ngày 26-9-2019 anh P bỏ về nhà cha ruột ở. Vợ chồng sống đến tháng 6-2019 xảy ra mâu thuẫn, do vợ chồng không tin tưởng với nhau về tiền bạc, chị và cha mẹ chồng không hòa thuận với nhau, nên

vợ chồng về sống bên gia đình chị được 03 tháng thì anh P gây nợ, vợ chồng cải vã nhau, nên anh P bỏ về nhà cha mẹ ruột ở, vợ chồng ly thân từ ngày 26-9-2019. Thời gian này chị đã trả nợ cho anh và nhiều lần năn nỉ anh về ở lại nhưng anh P không đồng ý. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không còn đạt được nên chị xin ly hôn với anh P;

- *Về con chung*: Có 01 con tên Phan Đặng Mạnh T, sinh ngày 01-8-2019 hiện chị đang nuôi, chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng;

- *Về T sản chung*: Có đôi bông tai 01 vàng 24k và cặp nhẫn cưới vàng 18k, anh P giữ chiếc nhẫn, còn lại chị giữ, chị không yêu cầu giải quyết;

- *Về nợ chung*: Không có, chị không yêu cầu giải quyết.

Ngày 07-11-2019 chị có đơn xin giải quyết vắng mặt, do mới sinh con nhỏ, đi lại khó khăn. Ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Phan Thành P trình bày: Anh P có lời trình bày về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng, con chung, T sản chung và nợ chung trùng khớp với lời trình bày của chị D. Vợ chồng ly thân từ tháng 9-2019. Nay vợ xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn, do vợ chồng không còn tình cảm.

Về con chung: Anh đồng ý giao cháu Phan Đặng Mạnh T, sinh ngày 01-8-2019 cho vợ nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con;

Về T sản chung: Có đôi bông tai vàng 24k, 01 sợi dây chuyền vàng 24k và cặp nhẫn cưới vàng 18k, anh giữ chiếc nhẫn, còn lại vợ giữ còn không anh không biết, anh không yêu cầu giải quyết;

Về nợ chung: Không có, anh không yêu cầu giải quyết. Và anh có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Ngoài ra anh không yêu cầu gì khác.

Kiểm sát viên P biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Chị D, anh P có yêu cầu xin giải quyết vắng mặt, nên đề nghị xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D đối với anh P; về con chung: Giao chị D tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục cháu Phan Đặng Mạnh T, sinh ngày 01-8-2019, ghi nhận chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; về T sản chung: Anh chị không yêu cầu nên không giải quyết; về nợ chung: Anh chị khai không có, nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các T liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Chị D, anh P có yêu cầu xin giải quyết vắng mặt có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Hôn nhân giữa chị Đặng Thị Kiều D và anh Phan Thành P có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng P sinh mâu thuẫn, do vợ chồng không tin về tiền bạc, nên hay cải vã gây gỗ nhau, cuộc

sống không hạnh phúc nên anh P bỏ về nhà cha ruột ở, vợ chồng ly thân từ tháng 9 năm 2019. Nay chị D xin ly hôn, anh P đồng ý ly hôn.

[2.1] Ngày 31-10-2019, Tòa án làm việc với anh thì anh có yêu cầu giải quyết vắng mặt do không muốn hàn gắn với vợ và bận đi làm. Ngày 07-11-2019, Tòa án mời anh, chị đến tiếp cận công khai chứng cứ và tham gia hòa giải, nhưng anh P vẫn vắng mặt, nên không thể hòa giải được.

[2.2] Xét thấy, mặc dù mâu thuẫn của anh chị chưa đến mức trầm trọng, có thể hàn gắn lại, nhưng Tòa án mời anh chị đến để tiếp cận công khai chứng cứ và tham gia hòa giải, nhưng anh P đều vắng mặt. Chứng tỏ anh chị không còn tin tưởng lẫn nhau, mâu thuẫn của anh chị trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Anh P không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, mà để cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị D và anh P khai có 01 cháu Phan Đặng Mạnh T, sinh ngày 01-8-2019. Chị D yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Anh P đồng giao con cho vợ nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, yêu cầu của anh chị và cháu T mới sinh ngày 01-8-2019 nên cần chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị D là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về T sản chung: Anh chị khai có đôi bông tai vàng 24k, 01 sợi dây chuyền vàng 24k và cặp nhẫn cưới vàng 18k, anh P giữ chiếc nhẫn, còn lại vợ giữ còn không anh không biết, anh không yêu cầu giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: Chị D và anh P khai không có, không yêu cầu, nên không giải quyết.

[6] *Về án phí sơ thẩm ly hôn*: Chị D phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81 và 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu tranh chấp ly hôn của chị Đặng Thị Kiều D đối với anh Phan Thành P. Chị D được ly hôn với anh P.

2. *Về con chung*: Giao chị D được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phan Đặng Mạnh T, sinh ngày 01-8-2019. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung:* Chị D, anh P không yêu cầu, nên không giải quyết.

4. *Về nợ chung:* Chị D và anh P khai không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

5. *Về án phí sơ thẩm ly hôn*: Chị D chịu 300.000 đồng. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0009754 ngày 21-10-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GD. Chị D nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị D, anh P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện GD;
- Chi cục THADS huyện GD;
- UBND xã PT, GD;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị An

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁM- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Kim Thành **Trần Thị Đào** **Nguyễn Thị An**